**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH**

**DẠY HỌC NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁO CHÍ**

 *(Xây dựng theo chương trình đào tạo ban hành năm 2019)*

 **I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

1. **Thông tin về chương trình đào tạo**
* Tên ngành:

Tên tiếng Việt: **Báo chí**

Tên tiếng Anh: **Journalism**

* Mã số ngành đào tạo[[1]](#footnote-1)
* Danh hiệu tốt nghiệp[[2]](#footnote-2): Cử nhân
* Thời gian đào tạo: 3-6 năm
* Tên văn bằng sau tốt nghiệp: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh): Bằng cử nhân ngành Báo chí (The Degree of Bachelor in Journalism)
* Đơn vị đào tạo: Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông
1. **Mục tiêu của chương trình đào tạo:**

Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí đào tạo những cử nhân:

* Có kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để tác nghiệp trong lĩnh vực báo chí - truyền thông;
* Có khả năng thực hiện các yêu cầu tác nghiệp trên các loại hình báo chí truyền thông trong thời đại kỹ thuật số, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá;
* Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về các vấn đề của báo chí truyền thông...;
* Có khả năng tham vấn, tư vấn về truyền thông cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Sau khoá học, sinh viên có năng lực tốt để làm việc tại các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông, cơ quan đào tạo, nghiên cứu, các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp…, có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

1. **Thông tin tuyển sinh**
* Đối tượng tuyển sinh:

+ Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

+ Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa bậc THPT theo quy định của pháp luật

+ Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

* Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và thi tuyển
1. **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

**4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

***4.1.1. Khối kiến thức chung:***

- Vận dụng được kiến thức về khoa học Lý luận chính trị trong các hoạt động nghiệp vụ và nghiên cứu;

- Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1 tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gồm ngữ pháp và 4 kĩ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết).

***4.1.2. Khối kiến thức theo lĩnh vực***

- Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thực hành văn bản, tra cứu, quản lý thông tin trong học tập và nghiên cứu;

 - Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu;

 - Ứng dụng được kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0 và công cuộc chuyển đổi số trong các lĩnh vực.

***4.1.3. Kiến thức khối ngành và nhóm ngành***

- Vận dụng được những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật pháp và Đạo đức báo chí truyền thông trong hoạt động tác nghiệp;

- Vận dụng được vai trò, thế mạnh của các kênh truyền thông đại chúng trong xã hội. Hiểu được các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau và công việc trong ngành công nghiệp truyền thông;

- Vận dụng được mô hình hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông và vai trò, nhiệm vụ của các cá nhân trong tổ chức hoạt động đó;

- Vận dụng sự hiểu biết về các khái niệm và học thuyết cơ bản về truyền thông đại chúng (vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội, chức năng cơ bản của truyền thông, các nguyên tắc về đạo đức báo chí…) để có thể trở thành nhà truyền thông và nhà báo chuyên nghiệp.

- Vận dụng được kiến thức của khối ngành và nhóm ngành để thích ứng với các xu hướng mới như Công nghiệp 4.0, Công cuộc chuyển đổi số trong các lĩnh vực.

***4.1.4. Khối kiến thức ngành***

- Vận dụng kiến thức về quyền và trách nhiệm của người làm báo trong xã hội. Hiểu và vận dụng kiến thức về trách nhiệm xã hội, luật pháp, đạo đức của nhà báo – nhà hoạt động chính trị xã hội;

- Vận dụng tốt quan hệ giữa các cá nhân trong quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông;

- Vận dụng kiến thức cơ bản về các thành tố và nguyên tắc trong việc thiết kế trình bày báo in, trang website, hay xây dựng chỉnh thể chương trình phát thanh, truyền hình;

- Vận dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp cơ bản với nguồn tin, đồng nghiệp, ban biên tập, bước đầu có khả năng phối hợp làm việc với nhóm/ êkip sản xuất chương trình/ tác phẩm báo chí, thích ứng với môi trường làm việc nhiều áp lực của toà soạn báo chí.

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức về loại hình và công nghệ, kỹ thuật sản xuất báo chí để sẵn sàng thích ứng với chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

**4.2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng**

***4.2.1. Kỹ năng chuyên môn***

*4.2.1.1. Kỹ năng tác nghiệp nghề báo*

* Kỹ năng sử dụng thiết bị truyền thông

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm..., sử dụng các phần mềm xử lý thông tin phục vụ tác nghiệp.

* Kỹ năng thu thập và thẩm định thông tin

- Có khả năng thu thập, thẩm định, phân tích thông tin bằng các cách thức như phỏng vấn, quan sát, thu thập tài liệu gốc hoặc tài liệu thứ cấp một cách thành thạo. Có năng lực cơ bản trong tìm kiếm thông tin độc lập, tổ chức các cuộc phỏng vấn độc lập để thu thập, phân tích, tổ chức, tổng hợp thông tin (chữ viết, hình ảnh, số liệu) phục vụ cho một chủ đề nào đó.

* Kỹ năng xử lý và tổ chức thông tin

- Có kỹ năng thành thạo trong xử lý và tổ chức thông tin theo hình thức của các thể loại báo chí, phục vụ viết đăng tải, phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử).

* Kỹ năng biên tập tác phẩm truyền thông

- Có kỹ năng biên tập thành thạo đối với tác phẩm của mình và của người khác theo từng loại hình báo chí và thể loại tác phẩm khác nhau.

* Kỹ năng thiết kế và Sản xuất ấn phẩm báo chí và sản xuất chương trình phát thanh truyền hình

- Có kỹ năng cơ bản trong việc thiết kế trình bày ấn phảm truyền thông, hoặc xây dựng chương trình phát thanh truyền hình;

*4.2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng phát hiện, nhận thức, phản biện, bày tỏ chính kiến về vấn đề đang diễn ra và đề xuất, tiến hành triển khai các hoạt động giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên môn.

*4.2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Tìm kiếm, sưu tập tài liệu, phân tích nội dung văn bản... một cách thành thạo;

- Biết cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng;

- Bước đầu ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn.

*4.2.1.4. Khả năng tư duy hệ thống*

- Kết hợp các kiến thức liên ngành để phát hiện vấn đề, mối tương quan giữa các vấn đề và tìm ra xu hướng phát triển của lĩnh vực nghiên cứu;

- Xác định vấn đề ưu tiên và tìm ra cách giải quyết.

*4.2.1.5. Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn*

- Có kỹ năng vận dụng linh hoạt và phù hợp các khối kiến thức đa dạng và kỹ năng được trang bị trong quá trình học tập và thực tập nghề nghiệp, khả năng làm chủ kiến thức và kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật của nghề báo;

*4.2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

- Có khả năng nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động báo chí truyền thông;

- Có khả năng chuẩn bị để tiếp tục tự đào tạo, hoặc tham gia các khóa đào tạo nâng cao sau đại học, hoặc các khóa đào tạo ngành gần trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

- Có khả năng thích ứng linh hoạt với quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí truyền thông trong bối cảnh Công nghiệp 4.0.

*4.2.1.7. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*

- Đánh giá bối cảnh xã hội và ngoại cảnh liên quan đến chuyên ngành, xác định được vai trò của các cử nhân Báo chí;

- Tận dụng được tiến bộ trong sự phát triển của nghề nghiệp trên thế giới.

*4.2.1.8. Bối cảnh tổ chức*

- Hiểu về bối cảnh của tổ chức và thích ứng với yêu cầu công việc trong các mô hình tổ chức khác nhau (toà soạn báo, công ty truyền thông, bộ phận truyền thông của cơ quan chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp, trường học…) ;

- Vận dụng kết nối bằng truyền thông trong nội bộ tổ chức, góp phần hình thành văn hóa tổ chức, làm việc thành công trong tổ chức.

***4.2.2. Kỹ năng bổ trợ***

*4.2.2.1. Kỹ năng tự chủ*

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc. Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời;

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý. Kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian và hạn chót của công việc;

*4.2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Chủ động, tích cực trong khi làm việc cùng ekip để sản xuất sản phẩm truyền thông;

- Hiểu được quy trình và các công đoạn sáng tạo tác phẩm truyền thông để phối hợp với các bộ phận chuyên trách các mảng công việc khác nhau.

*4.2.2.3. Kỹ năng giao tiếp*

- Có kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp với các cá nhân và tổ chức để phục vụ tác nghiệp báo chí truyền thông.

*4.2.2.4. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

*4.2.2.5. Kỹ năng tin học và công nghệ*

- Sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng và các phần mềm chuyên dụng phục vụ tác nghiệp báo chí truyền thông và thích ứng được với quá trình chuyển đổi số báo chí và truyền thông.

*4.2.2.6. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo*

 - Biết tổ chức, phân công công việc trong nhóm/ đơn vị;

 - Có khả năng tham gia đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.

**4.3. Chuẩn đầu ra về phẩm chất đạo đức**

***4.3.1. Đạo đức cá nhân***

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn;

- Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo;

- Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp;

- Chính trực, tự tin, linh hoạt, phản biện, sáng tạo.

***4.3.2. Đạo đức nghề nghiệp***

- Công bằng, trung thực và trách nhiệm;

- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập;

- Có văn hóa ứng xử của phóng viên báo chí/ người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

***4.3.3. Đạo đức xã hội***

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;

- Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội;

- Giữ gìn và quảng bá hình ảnh của người phóng viên/ người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

1. **Mức tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc trong nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm trong lĩnh vực báo chí truyền thông;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực báo chí truyền thông;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực báo chí truyền thông;

- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lựa, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

1. **Cấu trúc chương trình đào tạo** (Nội dung chương trình đào tạo)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo** | **137 tín chỉ** |
| **- Khối kiến thức chung***(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng- an ninh)*: | **16 tín chỉ** |
| **- Khối kiến thức theo lĩnh vực:** | **29 tín chỉ** |
|  *+ Bắt buộc* | *23 tín chỉ* |
|  *+ Tự chọn* | *6/18tín chỉ* |
| **- Khối kiến thức theo khối ngành:** | **27 tín chỉ** |
|  *+ Bắt buộc* | *18 tín chỉ* |
|  *+ Tự chọn* | *9/39 tín chỉ* |
| **- Khối kiến thức theo nhóm ngành:** | **15 tín chỉ** |
|  *+ Bắt buộc* | *9 tín chỉ* |
|  *+ Tự chọn* | *6 tín chỉ* |
| **- Khối kiến thức ngành:** | **50 tín chỉ** |
|  *+ Bắt buộc* | *31 tín chỉ* |
|  *+ Tự chọn* | *6 tín chỉ* |
|  *+ Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:* | *13 tín chỉ* |

 **7. Ma trận chuẩn đầu ra** (Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình)[[3]](#footnote-3)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Chuẩn đầu ra** |
| Kiến thức | Kỹ năng | Phẩm chất đạo đức |
| Kỹ năng chuyên môn | Kỹ năng bổ trợ |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I |  | **Khối kiến thức chung**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | PHI1006 | Triết học Mác - Lê nin | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 2 | PEC1008 | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 3 | PHI1002 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 4 | POL1001 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 5 | HIS1001 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 6 |   | Ngoại ngữ B1 | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
|  | FLF1107 | Tiếng Anh B1 | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
|  | FLF1407 | Tiếng Trung B1 | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
| 7 |   | Giáo dục thể chất | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 8 |   | Giáo dục quốc phòng - an ninh | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| II |  | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.1*** |   | ***Các học phần bắt buộc*** *(không bao gồm học phần 17)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | MNS1053 | Các phương pháp nghiên cứu khoa học |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 10 | THL1057 | Nhà nước và pháp luật đại cương |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 11 | HIS1053 | Lịch sử văn minh thế giới |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 12 | HIS1056 | Cơ sở văn hoá Việt Nam |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 13 | SOC1051 | Xã hội học đại cương |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 14 | PSY1051 | Tâm lí học đại cương |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 15 | PHI1054 | Lôgic học đại cương |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 16 | INT1005 | Tin học ứng dụng |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  | x |  | x | x | x |  |  |
| 17 |   | Kĩ năng bổ trợ |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| ***II.2*** |   | ***Các học phần tự chọn*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | INE1014 | Kinh tế học đại cương |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 19 | EVS1001 | Môi trường và phát triển |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 20 | MAT1078 | Thống kê cho khoa học xã hội |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 21 | LIN1050 | Thực hành văn bản tiếng Việt |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 22 | LIB1050 | Nhập môn năng lực thông tin |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 23 | LIT1053 | Viết học thuật |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 24 | LIT1054 | Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 25 | ITS1051 | Hội nhập quốc tế và phát triển |  | x |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 26 | POL1053 | Hệ thống chính trị Việt Nam |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| **III** |  | **Khối kiến thức theo khối ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.1.** |  | ***Các học phần bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 27 |   | Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 1  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
|  | FLH1155 | Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1 |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
|  | FLH1156 | Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1 |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
| 28 |   | Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
|  | FLH1157 | Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2 |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
|  | FLH1158 | Tiếng Trung cho khoa học xã hội và nhân văn 2 |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |  | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
| 29 | MNS1054 | Khởi nghiệp |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  | x | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |
| 30 | JOU1051 | Báo chí truyền thông đại cương |  |  | x |  |  |  |  | x | x | x | x |  | x |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 31 | PRS1100 | Quan hệ công chúng đại cương |  |  | x |  |  |  |  | x | x | x | x |  | x |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| **III.2.** |  | ***Các học phần tự chọn*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 32 | POL1052 | Chính trị học đại cương |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 33 | MNS1100 | Khoa học quản lý đại cương |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 34 | PHI1100 | Mỹ học đại cương |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 35 | LIT 1100 | Nghệ thuật học đại cương |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 36 | ANT1100 | Nhân học đại cương |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 37 | TOU1100 | Đại cương về quản trị kinh doanh |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 38 | ITS1103 | Quan hệ đối ngoại Việt Nam |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 39 | MNS1105 | Lý thuyết hệ thống |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 40 | PHI1104 | Đạo đức học đại cương |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 41 | LIT3001 | Nguyên lý lý luận văn học |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 42 | ITS1101 | Thể chế chính trị thế giới |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 43 | PSY2023 | Tâm lí học xã hội |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 44 | ITS1100 | Nhập môn Quan hệ quốc tế |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| **IV** |  | **Khối kiến thức theo nhóm ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV.1** |  | ***Các học phần bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 45 | JOU1150 | Lý luận báo chí truyền thông |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 46 | JOU2019 | Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 47 | JOU1151 | Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x | x |  |
| ***IV.2*** |  | ***Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 48 | JOU1152 | Tổ chức và quản trị nội dung tạp chí in và điện tử |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 49 |  JOU3046 | Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 50 | JOU3041 | Lịch sử báo chí Việt Nam và thế giới |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 51 | JOU3051  | Niên luận |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
|  |  | *Định hướng kiến thức liên ngành*  |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 52 | POL3034 | Chính trị và truyền thông  |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 53 | SOC3006 | Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội |  |  |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 54 | LIN2033 | Dẫn luận ngôn ngữ học |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 55 | PRS3002 | Các chương trình quan hệ công chúng |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 56 | PRS3004 | Tổ chức sự kiện |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 57 | ORS2005 | Văn hoá, văn minh phương Đông |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 58 | ANT3009 | Văn hoá và xã hội Việt Nam đương đại |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 59 | POL3012 | Quyền lực chính trị |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 60 | LIN1102 | Phong cách học tiếng việt |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 61 | REL1101 | Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 62 | ANT1101 | Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 63 | ARO1160 | Các lý thuyết quản trị |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |
| **V** |   | **Khối kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***V.1*** |   | ***Các học phần bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 64 | JOU2017 | Ngôn ngữ báo chí |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 65 | JOU3064 | Kỹ năng viết cho báo in |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 66 | JOU3059 | Kỹ năng viết cho báo điện tử |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 67 | JOU3044 | Kỹ thuật phát thanh và truyền hình |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 68 | JOU3040 | Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 69 | JOU3071 | Quản trị nội dung website |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 70 | JOU3058 | Ảnh báo chí |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 71 | JOU3002 | Biên tập văn bản báo chí |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 72 | JOU3045 | Báo chí chuyên biệt |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 73 | JOU3072 | Đại cương về kinh tế báo chí truyền thông  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| ***V.2*** |   | ***Các học phần tự chọn*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *V.2.1* |   | ***Tự chọn 1: Báo in - Báo điện tử*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 74 | JOU3049 | Truyền thông đa phương tiện |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 75 | JOU3077 | Sản xuất ấn phẩm báo chí truyền thông |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| *V.2.2* |   | ***Tự chọn 2: Phát thanh - truyền hình*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 76 | JOU3080 | Sản xuất chương trình tin tức/thời sự  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 77 | JOU3081 | Sản xuất chương trình chuyên đề |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| *V.2.3* |   | ***Tự chọn 3: Quan hệ công chúng - Quảng cáo*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 78 | PRS3005 | Đại cương về quảng cáo |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 79 | PRS3003 | Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| **V.3** |   | **Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 80 | JOU4064 | Thực tập thực tế  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 81 | JOU4050 | Thực tập tốt nghiệp |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 82 | JOU4051 | Khoá luận tốt nghiệp |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x | x |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
|   |   | *Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 83 | JOU4054 | Các loại hình báo chí truyền thông  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |
| 84 | JOU4053 | Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  |  |  | x | x | x |  | x |

 **8. Tóm tắt nội dung các học phần** (Ghi theo số thứ tự trong khung CTĐT)

### PHI 1006, Triết học Mác-Lê nin, 3TC

Triết học Mác-Lê nin là hệ thống quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó, là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Ngày nay, xu hướng toàn cầu hóa tăng lên không ngừng, Triết học Mác – Lê nin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng để phân tích xu hướng vận động, phát triển của xã hội hiện đại. Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam tất yếu phải dựa trên cơ sở lý luận khoa học của Triết học Mác – Lê nin, trong đó hạt nhân là phép biện chứng duy vật.

### PEC1008, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, 2TC

### Học phần tiên quyết: PHI1006, Triết học Mác-Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm 6 nội dung lớn. Nội dung đầu tiên của học phần là giới thiệu khái quát về Kinh tế chính trị Mác - Lênin, từ lịch sử hình thành, phát triển đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng... Nội dung thứ hai bao gồm những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường: hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể kinh tế tham gia thị trường. Nội dung thứ ba trình bày những vấn đề cơ bản nhất học thuyết giá trị thặng dư - hòn đá tảng của học thuyết kinh tế C. Mác, bao gồm nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện... của giá trị thặng dư. Nội dung thứ tư trình bày về độc quyền, quan hệ cạnh tranh và độc quyền, độc quyền nhà nước, tác động hai mặt của chúng trong nền kinh tế thị trường. Nội dung thứ năm là kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, bao gồm khái niệm, tính tất yếu, đặc điểm và những vấn đề cấp thiết phải hoàn thiện. Nội dung thứ sáu là công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam, bao gồm các khái niệm cơ bản, nội dung, điều kiện và định hướng thực hiện cơ bản.

### PHI1002, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2TC

Ngoài phần giới thiệu về vị tri, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung chính của Học phần có hai khối kiến thức chính: *một là,*quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; *hai là,* những phạm trù, quy luật chính trị- xã hộicơ bản trong quá trình vận động từ hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa sang hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa, gồm: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội- giai cấp và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### POL1001, Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2 TC

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đoàn kế dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

### HIS1001, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, 2TC

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### FLF1107, tiếng Anh B1, 5TC

Học phần tiếng Anh B1 được chia làm 15 nội dung, tương đương 5 giờ trên lớp/ 1 nội dung. Học phần tiếng Anh B1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về:

* Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao bậc 3;
* Các chủ điểm từ vựng bậc 3 và các từ vựng liên quan đến các chủ đề thông dụng trong đời sống;
* Các kĩ năng ngôn ngữ Nghe, Nói, Đọc, Viết bậc 3 với độ khó tương đương bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam.

### FLF1407, tiếng Trung B1, 5TC

Chương trình tiếng Trung Quốc B1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ pháp cơ bản (tiếp theo chương trình tiếng Trung Quốc A1 và A2) thông qua việc học các bài trong giáo trình Hán ngữ tập 2 (quyển thượng), và luyện làm các bài tập trong sách HSK cấp 3 (quyển mới). Trong giai đoạn này, sinh viên được tập trung học cách sử dụng các mô hình câu như: câu khuyết chủ ngữ, câu vị ngữ chủ vị, câu bị động về mặt ý nghĩa, câu tồn hiện, câu chữ把, câu chữ 被, câu phức không có từ ngữ liên quan, câu mang các loại bổ ngữ như: bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ xu hướng kép, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ động lượng, bổ ngữ trình độ (2), bổ ngữ khả năng; cách sử dụng các trợ từ, giới từ, phó từ; và một lượng từ vựng cơ bản ở một số lĩnh vực xã hội hàng ngày như kinh nghiệm trong cuộc sống, học tập, tham quan du lịch, nghệ thuật, kiến trúc, phong tục tập quán... Đồng thời, tăng cường rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết nhằm áp dụng, củng cố, mở rộng những kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã được học trong từng bài. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể đạt được trình độ HSK cấp 3.

### Giáo dục thể chất, 4TC

* 1. **Giáo dục quốc phòng - an ninh, 8TC**

### MNS1053, Các phương pháp nghiên cứu khoa học, 3TC

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, đặc điểm và sản phẩm của nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nội quan, ngoại quan, phân tích, tổng hợp, định tính, định lượng, thống kê, xác suất, cấu trúc và hệ thống...), và trình bày luận điểm khoa học. Học phần đặt trọng tâm vào nội dung kỹ năng hình thành trình tự logic cho nghiên cứu, từ đó giúp sinh viên xây dựng nền tảng đầu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học (tập sự nghiên cứu), biết xây dựng khung logc cho luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự khác biệt về phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học giúp sinh viên không luyện tập về logic nghiên cứu mà còn định hình được sự lựa chọn phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của bản thân. Bên cạnh việc rèn luyện kĩ năng làm đề cương nghiên cứu, học phần đặc biệt chú trọng đến nội dung của chương VIII về hình thành đạo đức khoa học trong cộng đồng nghiên cứu cũng như giới thiệu các phương thức kiểm soát xã hội nhằm hạn chế hiện tượng lệch chuẩn đạo đức khoa học.

### THL1057, Nhà nước và pháp luật đại cương, 2TC

### Học phần tiên quyết: PHI1006, Triết học Mác- Lênin

Nhà nước và pháp luật đại cương là học phần bắt buộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhiều năm nay ở các cơ sở đào tạo khác nhau. Đây là học phần nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra nhà nước và pháp luật đại cương cũng nghiên cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là học phần nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

### HIS1053, Lịch sử văn minh thế giới, 3TC

Giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7)văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX... ; Trong mỗi nền văn minh sẽ giới thiệu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh ; Trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học -kỹ thuật, tôn giáo...

### HIS1056, Cơ sở văn hóa Việt Nam, 3TC

Học phầncung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hóa như: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hoá Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hoá; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hoá ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây. Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam cũng giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam như ngôn ngữ, tôn giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo), tín ngưỡng (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu), lễ hội…; diễn trình của lịch sử văn hoá Việt Nam từ thời tiền sơ sử cho đến nay hay những đặc trưng của các vùng văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

### SOC1051, Xã hội học đại cương, 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gốm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau và phản ánh những đặc trưng xã hội về các mặt hoạt động cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị văn hóa và xã hội. Xã hội như một tổng thể có cấu trúc xác định và có thể phân tích theo các tiếp cận cấu trúc, chức năng hay hành động xã hội. Sau khi học xong môn xã hội học đại cương, sinh viên có thểhiểu được một cách khái quát về vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội tổng thể. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

### PSY1051, Tâm lý học đại cương, 3TC

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn..; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đồ phát triển của khoa học tâm lý trong thể kỉ XXI**.**

### PHI1054, Logic học đại cương, 3TC

Lô gích học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như: Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lô gích trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lô gích của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phán ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đứng im tương đối của đối tượng (mặt hình thức của nó) mà còn cung cấp nhữngcơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là học phần đã đang và nên là học phần phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.

### INT1005, Tin học ứng đụng, 3TC

Học phần Tin học ứng dụng gồm các kiến thức và kĩ năng cơ bản về tin học văn phòng cần thiết nhất cho sinh viên,tập trung vào thực hành các kĩ năng sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản, trình chiếu và bảng tính. Các tính năng của phần mềm được giảng dạy thông qua các bài thực hành hướng tới mang tính ứng dụng thực tế, giải quyết một nhiệm vụ cụ thể. Sinh viên được phát huy khả năng sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề của mình.

### Kỹ năng bổ trợ, 3TC

Kỹ năng bổ trợ là các kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người, không phụ thuộc hoàn toàn vào kiến thức chuyên môn, không thể sờ nắm, không phải là kỹ năng cá tính đặc biệt mà phụ thuộc chủ yếu vào cá tính của từng người. Các kỹ năng bổ trợ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình học tập và làm việc và có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công việc. Ngày nay, các công ty, các tổ chức nhận thấy và ngày càng đề tầm quan trọng của các kỹ năng bổ trợ đối với nhân viên do đó, trang bi các kỹ năng bổ trợ cho sinh viên tại các trường Đại học trở thành một nhu cầu tất yếu. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng bổ trợ cần thiết sé làm tăng khả năng tìm kiếm được việc làm cũng như giúp nâng cao hiệu quả học tập hiện tại và hiệu quả công việc trong tương lai.

Trong phạm vi học phần, các kỹ năng sau sẽ được tập trung giới thiệu:

* + - Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian.
		- Phỏng vấn và tìm việc thành công
		- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
		- Kỹ năng thuyết trình ấn tượng

### INE1014, Kinh tế học đại cương, 2TC

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế học hiện đại (Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô). Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và những phương pháp của khoa học kinh tế. Tiếp đó là phần phân tích cơ bản về một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế thị trường - cầu, cung, giá cả cân bằng và thực chất của sự điều tiết của cơ chế thị trường cũng như việc Chính phủ tác động vào các thị trường. Trên quan điểm phân tích chi phí và lợi ích, học phần đi sâu giải thích hành vi của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận. Học phần dành một phần quan trọng để luận giải các vấn đề của toàn bộ hệ thống kinh tế. Đó là các vấn đề tổng cầu, tổng cung, sản lượng quốc gia, thất nghiệp và lạm phát. Trên nền tảng này, học phần tập trung luận giải việc sử dụng các công cụ chính sách của Chính phủ (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương) nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế.

### EVS1001, Môi trường và phát triển, 2TC

Học phần giới thiệu hệ thống các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ nhân quả giữa các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội với môi trường. Học phần giới thiệu các công cụ luật pháp, kinh tế, khoa học công nghệ để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Học phần dành một phần năm thời lượng học tập để sinh viên nghiên cứu và thảo luận về các vấn đề môi trường và mối liên quan giữa các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới và ở Việt Nam với lĩnh vực chuyên ngành học tập của sinh viên.

### MAT1078, Thống kê cho khoa học xã hội, 2TC

Học phần trang bị cho học sinh một số kết quả cơ bản, đơn giản của Thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến.

### LIN1050, Thực hành văn bản tiếng Việt, 2TC

Phân tích khái quát văn bản khoa học: tìm chủ đề, phân tích kết cấu tổng thể của văn bản thành các phần mở đầu, nội dung, kết luận và nhận biết cơ sở để chia tách các phần đó. Phân tích tính hợp lí/ lôgíc của đề cương văn bản. Phân tích lối lập luận của văn bản. Phân tích những biểu hiện của mạch lạc văn bản (giữa các phần lớn và giữa các đoạn nhỏ hơn trong một phần lớn như phần nội dung văn bản); Phân tích các bộ phận của văn bản: cấu tạo đoạn văn, phép suy lí, kết tử lập luận, tác tử lập luận, phân tích trật tự tuyến tính của các cú/mệnh đề hữu quan qua phép cải biến và nhận xét tính hơn trội của trật tự nào đó trong ngữ cảnh. Phát hiện các phương tiện liên kết giữa các câu và các đoạn văn. Phát hiện, phân tích và sửa lỗi ở phạm vi văn bản (lỗi phân đoạn, lỗi liên kết) và ở phạm vi câu (câu sai về cấu tạo ngữ pháp, về ngữ nghĩa, về cách dùng hư từ, về trật tự từ); Luyện tập kĩ năng tóm tắt văn bản; Luyện tập kĩ năng tạo lập văn bản: lập dàn ý/ đề cương dựa trên chủ đề cho sẵn, viết một đoạn nào đó để triển khai chủ đề bộ phận, viết văn bản theo dàn ý/ đề cương, cách viết trình bày lịch sử vấn đề đang được nghiên cứu, cách thức lập thư mục tài liệu tham khảo.

### LIB1050. Nhập môn năng lực thông tin, 2TC

Học phần đề cập đến nội hàm khái niệm “thông tin”, “NLTT”; vai trò của NLTT (trong xã hội phát triển; đối với giáo dục đại học; đối với sinh viên) và các yếu tố tác động đến NLTT của sinh viên (nhận thức; chương trình đào tạo; Phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá; Hoạt động của thư viện; Môi trường học tập và nghiên cứu của sinh viên; sự phối kết hợp giữa giảng viên và cán bộ thư viện). Làm rõ nội hàm khái niệm nhu cầu và nhu cầu thông tin; các định nguồn cung cấp thông tin (truyền thống; trực tuyến và các nguồn cung cấp thông tin khác). Đề cập đến kiến thức và kỹ năng tìm kiếm thông tin (xây dựng chiến lược tìm kiếm; lựa chọn các công cụ tra cứu, Phương thức tra cứu truyền thống và hiện đại; kỹ năng khai thác thông tin và các thao tác khi đọc tài liệu). Đề cập đến khái niệm, vai trò, tiêu chí và quy trình đánh giá thông tin. Phân tích vai trò, hình thức của việc tổ chức, trình bày thông tin; phần mềm và các phần mềm quản lý thông tin cùng vấn đề an ninh, bản quyền và đạo đức trong việc sử dụng thông tin.

### LIT1053, Viết học thuật, 2TC

Học phần trang bị cho người học các kĩ năng viết cần thiết trong môi trường đại học, giúp người học hình thành khả năng tư duy và biểu đạt bằng ngôn từ một cách rõ ràng, chuẩn xác, đúng quy cách về các chủ đề học thuật. Học phần hướng dẫn người học từng bước cụ thể trong quá trình viết một văn bản học thuật từ khâu phân tích và lựa chọn chủ đề, lên ý tưởng và lập kế hoạch viết, tạo lập và củng cốluận điểm, cách thứctổ chức toàn bài luận, cho đến việc viết từng đoạn văn và câu văn chuẩn mực, quy cách trích dẫn và tham khảo tài liệu,và sau cùng là việc sửa chữa và hoàn thiện văn bản.

### LIT1054, Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng, 2TC

Học phần giúp người học phát triển tư duy sáng tạo, đồng thời hiểu và ứng dụng quy trình Tư duy thiết (Design thinking) vào thực tiễn. Qua đó, người học phát huy được trí tuệ, tính năng độngđể đưa ra được những ý tưởng, mô hình giải pháp hoặc sản phẩm phù hợp để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có sự chuẩn bị năng động nhất cho tương lai cuộc đời mình, có khả năng tự chủ, thích ứng tốt với những yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường lao động.

### ITS1051, Hội nhập Quốc tế và phát triển, 2TC

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hai xu thế lớn của thế giới và đất nước là hội nhập quốc tế và phát triển. Các kiến thức cơ bản này bao gồm khái niệm để nắm được bản chất, phân loại để nắm được những hình thức và đặc thù của hội nhập quốc tế và phát triển, các quan điểm lý thuyết khác nhau về mối quan hệ giữa hai xu thế này để có thể rút ra được cả tác động tích cực và tiêu cực, tiến trình vận động của hội nhập quốc tế và phát triển của thế giới và đất nước để có thể đánh giá được về cách thức, sự hiệu quả và những vấn đề cần khắc phục. Do xu thế hội nhập quốc tế và phát triển luôn có ảnh hưởng lớn tới mọi lĩnh vực của đời sống nhân loại và quốc gia, không một lĩnh vực nào mà không chịu tác động của môi trường quốc tế, không một lĩnh vực nào mà không có nhu cầu phát triển, nhập việc cung cấp các kiến thức cơ bản nói trên còn giúp sinh viên các ngành học khác nhau có thể vận dụng chúng và lĩnh vực chuyên môn cụ thể của mình.

### POL1053, Hệ thống chính trị Việt Nam, 2TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hệ thống chính trị Việt Nam, trên các khía cạnh cơ bản như:

a) Những vấn đề lý luận chung về hệ thống chính trị và hệ thống chính trị Việt Nam.

 b) Cấu trúc, cơ chế vận hành và đặc trưng của hệ thống thiết chế chính trị Việt Nam, từ các nhà nước đầu tiên đến năm 1945.

c) Cấu trúc, cơ chế vận hành và đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2013, trong đó cơ bản tập trung làm rõ cấu trúc, cơ chế vận hành và đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2016.

d) Những vấn đề về đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

### Ngoại ngữ khoa học xã hội và nhân văn 1, 4TC

**\* FLH1155, Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1, 4TC**

Học phần tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh cơ bản tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày như gia đình, các mối quan hệ cá nhân, nơi ở, giải trí, thể thao, các sự kiện trong cuộc sống, v.v..

 - Cách phát âm các âm, các từ đơn âm và đa âm tiết trong tiếng Anh;

- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

### \*\* FLH1156, Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1, 4TC

Học phần tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

 - Các kiến thức cơ sở về ngữ âm tiếng Hán hiện đại như: cách đọc và phát âm các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu, các qui tắc viết phiên âm của chữ Hán, quy tắc đọc các hiện tượng biến điệu;

 - Những từ vựng được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày về một số chủ đề giao tiếp đơn giản, quen thuộc như: nói về bản thân, gia đình, cuộc sống học tập, trường học...

 - Các mô hình câu đơn giản (câu vị ngữ danh từ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu có hai tân ngữ, câu lựa chọn, câu hỏi sử dụng các đại từ nghi vấn…); Cách sử dụng một số trợ từ, giới từ và phó từ;

 - Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng làm quen ban đầu.

### Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2, 5TC

* **FLH1155, Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2, 5TC**

### Học phần tiên quyết: FLH1155, Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1

Học phần tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về:

 - Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên trình độtrung cấp bao gồm sử dụng từ vựng, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, lập dàn ý cho bài viết, …;

 - Từ vựng cơ bản được sử dụng trong các lĩnh vực xã hội, giao tiếp cá nhân và quan hệ xã hội, các vấn đề được quan tâm như giao thông, kinh tế, môi trường...;

 - Phương pháp thuyết trình khoa học;

 - Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp – tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### \*\*\* FLH1158, Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2, 5TC

**Học phần tiên quyết: FLH1156, Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1**

Học phần tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các mô hình câu (câu mang bổ ngữ trình độ (1)/ kết quả/ số lượng/ thời lượng, câu so sánh, câu nhấn mạnh, câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, câu phức quan hệ giả thiết, tăng tiến, nguyên nhân - kết quả ...); cách sử dụng một số trợ từ, giới từ, phó từ.

- Từ vựng cơ bản ở một số lĩnh vực xã hội hàng ngày như học tập, hoạt động hàng ngày, sở thích, đời sống xã hội...

 - Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở mức độ sơ cấp.

### MNS1054, Khởi nghiệp, 3TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về khởi nghiệp bao gồm: khái niệm và bản chất của khởi nghiệp, các loại hình khởi nghiệp, các lý thuyết về khởi nghiệp, lộ trình khởi nghiệp và các nguồn lực cho khởi nghiệp, các phương pháp kích hoạt ý tưởng và lưu ý khi lựa chọn các ý tưởng để hiện thực hóa, nội dung của dự án khởi nghiệp, quy trình và các công cụ trong lập dự án khởi nghiệp, một số kỹ năng cần thiết cho hoạt động khởi nghiệp như kỹ năng tạo lập nhóm khởi nghiệp, kỹ năng làm việc với người hướng dẫn và các bên liên quan, các trách nhiệm và rủi ro trong quá trình khởi nghiệp. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học những nghiên cứu tình huống điển hình về khởi nghiệp.

### JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương, 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động truyền thông và các phương tiện truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng, như khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng xã hội, nguyên tắc hoạt động thế mạnh và hạn chế cũng như cách thức tiếp cận, khai thác các kênh truyền thông này cho hoạt động nghề nghiệp; mô hình nhân cách chủ thể truyền thông; những khuyến nghị về cách thức giao tiếp, ứng xử của người làm truyền thông và đối tượng của truyền thông, các phương thức tiếp cận, sàng lọc, phân tích, tiếp nhận thông tin từ báo chí truyền thông của công chúng truyền thông trong xã hội... Đồng thời, các khái niệm, kiến thức cơ bản về báo chí cũng sẽ được cung cấp và thảo luận, bao gồm khái niệm về báo chí, báo chí học, nhà báo, bản chất, chức năng, vị trí, vai trò của hoạt động báo chí trong đời sống xã hội.

### PRS1100, Quan hệ công chúng đại cương, 3TC

Học phần giới thiệu một cái nhìn tổng quát về nghề Quan hệ công chúng chuyên nghiệp, giúp người học có cơ sở học tiếp các học phần khác của chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc cử nhân chính quy ngành Quan hệ công chúng. Phần khái quát Quan hệ công chúng sẽ giúp người học hiểu được vai trò, vị trí của QHCC trong tổ chức và xã hội, những chức năng, nhiệm vụ và những hoạt động cơ bản của QHCC. Phần lược sử QHCC điểm qua lịch sử hình thành và phát triển của nghề Quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Tiếp đó, học phần giúp sinh viên so sánh QHCC với Quảng cáo, Marketing, Dân vận, Tuyên truyền. Phần Lý luận chung về Quan hệ công chúng sẽ giúp người đọc hiểu được cốt lõi cơ bản của hoạt động Quan hệ công chúng, cơ sở khoa học của nó. Nghiên cứu và đánh giá hiệu quả hoạt động Quan hệ công chúng như là một trong những giai đoạn quan trọng của Quan hệ công chúng chuyên nghiệp sẽ được đề cập trong phần cuối của môn học.

### POL1005, Chính trị học đại cương, 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề quan hệ giữa các giai cấp trong việc giành, xây dựng và sử dụng quyền lực nhà nước. Từ những lý luận cơ bản, học phần đi vào một số lĩnh vực cụ thể và phân tích các mối quan hệ chính trị trong xã hội đương đại. Những nội dung trên đều có liên hệ với thực tế Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và chỉ ra chức năng và nhiệm vụ của chính trị học ở Việt Nam hiện nay.

### MNS1100, Khoa học Quản lý đại cương, 3TC

Trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thế kỷ XXI và thông tin trong quản lý. Bước đầu trang bị kiến thức về kỹ năng quản lý, về nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn quản lý.

### PHI1100, Mỹ học đại cương, 3TC

Học phần giúp sinh viên xác định đối tượng của mỹ học, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực, trong đó, nghệ thuật là nơi tập trung nhất mối quan hệ thẩm mỹ, xác định những yếu tố của ý thức thẩm mỹ, các phạm trù cơ bản của mỹ học.

### LIT1100, Nghệ thuật học đại cương, 3TC

Học phần có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về bản chất và nguồn gốc của nghệ thuật, các khuynh hướng và quan điểm khác nhau về quá trình hình thành, phát triển của nghệ thuật ở Phương Tây và Phương Đông, từ đó đi sâu phân tích các loại hình nghệ thuật: nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh, mối quan hệ giữa các ngành nghệ thuật với nhau, đặc biệt ở những ngành nghệ thuật gần gũi với văn học như sân khấu, điện ảnh. Học phầncũng giới thiệu và phân tích mối liên hệ qua lại giữa sáng tác, thưởng thức và phê bình nghệ thuật, giữa nghệ sĩ và hiện thực đời sống xã hội, về vai trò và chức năng của mỗi loại hình nghệ thuật, tác động qua lại giữa bản thân đối tượng nghệ thuật và nhu cầu thưởng thức cái đẹp của công chúng trong đời sống xã hội.

### ANT1100, Nhân học đại cương, 3TC

Học phần giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngành Nhân học, giúp sinh viên trong qúa trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về cuộc sống của chính văn hóa và xã hội mình và các xã hội, nền văn hóa khác trên thế giới. Tham gia học phầnnày, sinh viên sẽ được tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu, sự phân ngành, lịch sử phát triển của ngành nhân học, các khái niệm cơ bản, các phương pháp nghiên cứu điền dã dân tộc học. Các bài giảng cũng bao quát một số chủ đề quan trọng của ngành học như: ngôn ngữ, chủng tộc, tộc người, giới và giới tính, gia đình và thân tộc, hôn nhân và cư trú, tôn giáo với những ví dụ minh họa từ Việt Nam và các nền văn hóa đa dạng trên thế giới. Hoàn thành học phần này, sinh viên có những tri thức cơ bản về ngành Nhân học, có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Nhân học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.

### TOU1100, Đại cương về quản trị kinh doanh, 3TC

Học phần Đại cương về quản trị kinh doanh kế thừa, phát triển các lý thuyết cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh có tính đến các điều kiện thực tiễn của Việt Nam nhằm cùng với các Học phần bổ trợ khác trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp. Học phần này bao gồm những nội dung: Khái lược về Học phần nhập môn quản trị kinh doanh; Tổng quan về quản trị các tổ chức ; Vận dụng quy luật và các nguyên tắc quản trị; Các chức năng quản trị cơ bản ; Nhà quản trị; Các chức năng hoạt động trong quản trị kinh doanh.

### ITS1103, Quan hệ đối ngoại Việt Nam, 3TC

Sử dụng cách tiếp cận lịch sử là chủ yếu, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quan hệ đối ngoại của Vịêt Nam qua các giai đoạn lịch sử bắt đầu từ sự kiện khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đến giai đoạn hoà bình, thống nhất cả nước cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần phân tích những đặc điểm cơ bản trong đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với các vấn đề quốc tế lớn, các nước, khu vực và các tổ chức quốc tế, đồng thời trình bày những hoạt động đối ngoại của Đảng, nhà nước và các kênh hoạt động đối ngoại nhân dân.

### MNS1105, Lý thuyết hệ thống, 3TC

Học phần Lý thuyết hệ thống nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức tương đối hoàn chỉnh về “hệ thống”, cấu trúc hệ thống, tính thống nhất về hệ thống trong các quá trình và hiện tượng tự nhiên, sinh học, kỹ thuật, xã hội; các đặc điểm cơ bản và quy luật vận động của hệ thống, phương pháp nghiên cứu hệ thống và ứng dụng của nó trong quá trình xử lý các bài toán đặt ra trong kỹ thuật, trong tổ chức và quản lý; phương pháp phân tích hệ thống và ứng dụng trong công tác nghiên cứu khoa học, đánh giá các sự vật và quá trình và chuẩn bị quyết định. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều khiển hệ thống nhằm giúp họ hiểu được các đặc điểm, quy luật vận động, phương pháp điều khiển các hệ thống, ứng dụng nó trong công tác nghiên cứu khoa học, trong việc xử lý các tình huống của thực tiễn quản lý. Hình thành kỹ năng xác lập quan điểm hệ thống trong cách nhìn và phân tích sự vật, biết xử lý mọi tình huống trong hoạt động quản lý trên quan điểm hệ thống.

### PHI1104, Đạo đức học đại cương, 3TC

Học phần nghiên cứu những vấn đề chung nhất của đạo đức theo lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo đó, các vấn đề như nguồn gốc, bản chất và quy luật vận động, phát triển của đạo đức sẽ cho chúng ta cái nhìn về đạo đức nhân loại như một hiện tượng xã hội hiện thực. Học phần tìm hiểu một giai đoạn phát triển nhiều ý nghĩa của đạo đức, đó là đạo đức mới trong xã hội XHCN ở các bình diện lịch sử, quy luật, nguyên tắc biểu hiện. Học phần tập trung làm rõ những vấn đề xung quanh sự biến động dễ nhận thấy của nền đạo đức Việt Nam trong giai đoạn đất nước ta đang thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN như mối quan hệ tác động hai mặt, hai chiều giữa kinh tế với đạo đức, xu hướng chuyển đổi hệ giá trị đạo đứctrong các bộ phận dân cư cũng như trong toàn xã hội, …

### LIT3001, Nguyên lý lý luận văn học, 3TC

Học phần Nguyên lý lý luận văn học sẽ cung cấp những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất để sinh viên có được công cụ tìm hiểu tất cả những vấn đề thuộc về nghiên cứu văn học nghệ thuật. Học phần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu Mối quan hệ và sự ảnh hưởng giữa các thành tố như: Cuộc sống – Nhà văn – Tác phẩm - Độc giả. Thứ đến, tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, từ đó có thể định vị được chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ như thế nào, đồng thời lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học.

### ITS1101, Thể chế chính trị thế giới, 3TC

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về thể chế chính trị thế giới như chính trị, thể chế chính trị, hiến pháp, nhà nước, cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, quyền lực, bầu cử, đảng phái, nhóm lợi ích....Trên cơ sở đó học phần tiến hành phân loại các mô hình thể chế chính trị cơ bản trên thế giới, tiêu chí, đặc trưng nổi bật của các mô hình thể chế, so sánh các mô hình thể chế chính trị để tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của các mô hình thể chế chính trị, tầm quan trọng của thể chế chính trị đối với sự phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia nói riêng và thế giới nói chung.

### PSY2023, Tâm lý học xã hội, 3TC

Học phầncung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của số đông người, như: hiện tượng liên hệ xã hội, tri giác xã hội, ảnh hưởng xã hội, khuôn mẫu, định kiến xã hội, hành vi xã hội thường xảy ra trong xã hội và các hiện tượng tâm lý thường xảy ra trong nhóm nhỏ, như sự hình thành các mối quan hệ trong nhóm nhỏ, chuẩn mực, cố kết nhóm, xung đột, lãnh đạo nhóm. Người học cũng được trang bị những kiến thức, kỹ năng về các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học xã hội.

### ITS1100, Nhập môn Quan hệ quốc tế, 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,…Học phần cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển quan hệ quốc tế, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, học phầntrang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế. Học phần cũng tạo thuận lợi hơn cho sinh viên trong việc học tập các môn chuyên ngành, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập.

### JOU1150, Lý luận báo chí truyền thông, 3TC

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

 Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống, khoa học và hiện đại về truyền thông và qui trình truyền thông; về lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm loại hình của các phương tiện truyền thông đại chúng. Học phần cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với vị trí, vai trò trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được vấn đề bản chất của hoạt động báo chí cũng như có được hình dung tổng quan về sự hình thành và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam hiện nay. Ngoài cung cấp kiến thức lý luận, học phần cũng liên hệ chặt chẽ với thực tiễn báo chí truyền thông trong và ngoài nước để làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận; đồng thời vận dụng lý luận để lý giải cho hoạt động thực tiễn.

### JOU2019, Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông, 3TC

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản giúp người học nắm được khung pháp lý cơ bản của hoạt động báo chí ở Việt Nam. Học phần giúp xây dựng cho người học có ý thức và có khả năng xác định được những vấn đề pháp luật mà người làm báo chí thường xuyên gặp phải trong quá trình tác nghiệp để phòng tránh việc vi phạm pháp luật, nâng cao kiến thức về pháp luật và tuân thủ pháp luật trong hoạt động tác nghiệp. Học phần cũng giúp người học hiểu và ý thức những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cơ bản của người làm báo. Các văn bản pháp quy như luật báo chí, luật quảng cáo, xuất bản, quyền sở hữu trí tuệ... sẽ được giới thiệu trong môn học. Các quy định về quyền lợi, nghĩa vụ, đạo đức và trách nhiệm của nhà báo và nhân viên truyền thông, quảng cáo, biên tập viên... sẽ được thảo luận thông qua các nghiên cứu trường hợp trong và ngoài nước. Học phần giúp người học hiểu biết, vận dụng và thực hiện hài hoà mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp báo chí trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp. Học phần cũng cung cấp một số bộ qui tắc (qui định) đạo đức báo chí ở một số nước (Mỹ, Pháp, Nga, Trung Quốc…) để người học hiểu biết thêm, tham khảo và vận dụng nhất định trong điều kiện báo chí Việt Nam đổi mới và hội nhập.

### JOU1151, Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông, 3TC

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

###  Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp khoa học được sử dụng trong nghiên cứu công chúng truyền thông; đặc điểm, khả năng ứng dụng và hiệu qủa của mỗi phương pháp trong từng tình huống nghiên cứu. Quy trình học kết hợp lý thuyết, thực hành, tự nghiên cứu giúp sinh viên vận dụng được kiến thức lý luận về công chúng truyền thông, áp dụng các phương pháp phù hợp trong tình huống nghiên cứu cụ thể. Học phần hữu ích cho quá trình học tập, nghiên cứu khoa học sinh viên; có thể ứng dụng trong thực tiễn tác nghiệp ở những lĩnh vực như báo chí, quan hệ công chúng, và quảng cáo, v.v.

* 1. **JOU1152, Tổ chức và quản trị nội dung tạp chí in và điện tử, 3TC**

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

 Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về loại hình tạp chí trong hoạt động báo chí ; phân biệt sự giống và khác nhau giữa các loại tạp chí in và điện tử và giữa các nhóm tạp chí về phương diện nội dung. Học phần trang bị những phương pháp và kỹ năng để xây dựng chiến lược nội dung, tổ chức nội dung từng chuyên trang chuyên mục, thiết kế trang bìa trang nội dung đối với tạp chí in, thiết kế giao diện và trang thứ cấp đối với tạp chí điện tử. Học phần cũng giúp sinh viên trang bị kiến thức và kỹ năng trong việc quản trị, duy trì và quảng bá tạp chí, phát huy tối đa ưu thế loại hình trong hoạt động truyền thông.

* 1. **JOU3046, Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí và truyền thông, 3TC**

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

 Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bộ máy tòa soạn các cơ quan báo chí, bao gồm: cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ; công tác phóng viên; biên tập viên; cộng tác viên; tổ chức biên tập, sản xuất, lập kế hoạch; đặc điểm lao động nghề nghiệp, phương tiện làm việc và nguồn tin của phóng viên... Từ những hiểu biết công việc “bếp núc” đó, người học sẽ có điều kiện tham gia học việc, học nghề, thực tế, thực tập ở các cơ quan báo chí và hòa nhập nhanh vào “làng báo” khi học tập và sau khi ra trường.

* 1. **JOU3041, Lịch sử báo chí Việt Nam và thế giới, 3TC**

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

Học phần về có nội dung về quá trình hình thành và phát triển của báo chí và truyền thông trên thế giới và cụ thể tại Việt Nam. Phần đầu của học phần tập trung giới thiệu các giai đoạn phát triển của truyền thông trên thế giới và một số vấn đề cơ bản của báo chí – truyền thông hiện nay. Phần thứ hai của học phần cung cấp cho người học kiến thức về sự ra đời và tiến trình phát triển báo chí Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử dân tộc từ 1865 đến nay, đặc biệt, báo chí với sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây có ảnh hưởng đến sự thay đổi về văn hóa – xã hội như thế nào trong giai đoạn đầu thế kỷ XX. Qua đó thấy được vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất và xây dựng đất nước.

* 1. **JOU3051, Niên luận, 3TC**

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về bài nghiên cứu, công trình nghiên cứu khoa học. Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận báo chí truyền thông và phương pháp nghiên cứu khoa học để phát hiện đề tài, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học về một vấn đề của lý luận báo chí truyền thông hoặc thực tiễn tác nghiệp truyền thông. Học phần phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được rèn luyện những kỹ năng và phương pháp hữu ích cho việc hoàn thành khoá luận tốt nghiệp hoặc phục vụ hữu hiệu cho những sinh viên tiếp tục theo học chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu ở bậc đào tạo cao hơn.

* 1. **POL3034, Chính trị và truyền thông, 3 TC**

### Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính trị và truyền thông, các lý thuyết truyền thông chính trị và các mô hình về chính trị - truyền thông trên thế giới hiện nay. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng và thái độ để người học hiểu được vai trò của truyền thông trong đời sống chính trị Việt Nam nói riêng và đời sống chính trị quốc tế nói chung, cụ thể vai trò của truyền thông trong việc hình thành và xây dựng quyền lực chính trị; trong việc sử dụng và thực thi quyền lực chính trị; trong việc kiểm soát quyền lực, đánh giá hiệu quả của hoạt động chính trị.

* 1. **SOC3006, Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, 3TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về truyền thông đại chúng bao gồm: Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và xã hội; Các hướng tiếp cận, một số quan điểm lý luận và kết quả thực nghiệm trong nghiên cứu xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; Những ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội, dư luận xã hội. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đọc và bình luận những số liệu đơn giản của các nghiên cứu xã hội học về truyền thông đại chúng

* 1. **LIN2033, Dẫn luận ngôn ngữ học, 3TC**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng… Mặt khác, học phần cũng cung cấp một số kiến thức về văn tự, về sự phân loại các ngôn ngữ trên thế giới để có một cái nhìn (tuy còn rất đơn giản) về toàn cảnh các ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần cũng bước đầu cung cấp cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng đơn giản như: phân tích để nhận rõ và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp, phân tích ngữ âm học, miêu tả ngữ âm học và phân xuất âm vị, để chuẩn bị đi vào những môn thuộc khối kiến thức ngôn ngữ học chuyên ngành tiếp theo sau.

* 1. **PRS3002, Các chương trình quan hệ công chúng, 3TC**

### Học phần tiên quyết: PRS1100, Quan hệ công chúng đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về xây dựng chiến lược QHCC và kế hoạch cho các chương trình QHCC như: các yếu tố cơ bản của một chiến lược QHCC, những loại hình chương trình QHCC thường gặp, vai trò của nghiên cứu trong việc lập kế hoạch, những vấn đề cần đặt ra trong quá trình nghiên cứu và các mô hình phân tích SWOT, PEST, quy trình RACE, mối quan hệ giữa chiến lược và các chương trình QHCC… Học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng, phương pháp xây dựng mục tiêu, thông điệp, lựa chọn kênh truyền thông và phương thức thực hiện hoạt động QHCC, cách thức đánh giá, thẩm định mức độ thành công của một kế hoạch QHCC và những lưu ý trong xây dựng chiến lược, chương trình QHCC đối với một số loại nhóm công chúng tiêu biểu, đặc thù**.**

* 1. **PRS3004, Tổ chức sự kiện, 3TC**

**Học phần tiên quyết: PRS1100, Quan hệ công chúng đại cương**

 Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự kiện và hoạt động tổ chức sự kiện nói chung và sự kiện truyền thông nói riêng. Học phần có sự cân bằng giữa lý thuyết và thực hành, được thiết kế dựa trên nhu cầu thực tế của các tổ chức, doanh nghiệp. Do vậy, khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những hiểu biết cốt lõi về ngành tổ chức sự kiện, cũng như được trang bị các kỹ năng cần thiết cơ bản để có thể tham gia tổ chức một sự kiện thành công. Học phần sẽ đề cập đến các khái niệm sự kiện, phân loại sự kiện, một số nét về thị trường tổ chức sự kiện ở Việt Nam. Sinh viên sẽ được hướng dẫn để lập kế hoạch tổ chức sự kiện; cách thức thực hiện các hạng mục công việc, các hoạt động trong sự kiện, quản lý các vấn đề và xử lý tình huống trong sự kiện cũng như những vấn đề cần làm sau khi tổ chức sự kiện. Đặc biệt, sinh viên sẽ có các trải nghiệm thực tế khi được tham gia tổ chức sự kiện tại các tổ chức khác nhau

* 1. **ORS2005, Văn hóa, văn minh phương Đông, 3TC**

Phương Đông, theo một số người phương Tây, là một khu vực văn hóa đầy “tính bí hiểm”. Văn hóa phương Đông có nhiều điểm khác biệt so với văn hóa phương Tây. Nội dung của học phần nhằm vào những nét khái quát về văn hóa phương Đông. Những vấn đề dưới đây thuộc về nội dung của học phần này:

+ Các khu vực văn hóa - văn minh phương Đông.

+ Những đặc điểm chủ yếu của văn hóa phương Đông

+ Sự ảnh hưởng của các nền văn hóa - văn minh phương Đông ra khu vực và thế giới

+ Thành tựu và những mặt hạn chế của văn hóa phương Đông

+ Một số đặc điểm chủ yếu của một số nền văn hóa - văn minh tiêu biểu: Ấn Độ, Trung Quốc, Ai Cập - Lưỡng Hà, Đông Nam Á.

* 1. **ANT3009, Văn hóa và xã hội Việt Nam đương đại, 3TC**

**Học phần tiên quyết: ANT1100, Nhân học đại cương**

Hơn 20 năm qua, Việt Nam có những thay đổi mạnh mẽ trong kinh tế, văn hoá, xã hội. Khoá học sẽ cung cấp cho sinh viên những bài giảng, tài liệu và phim nhân học gần đây về những biến đổi trong văn hoá xã hội dưới tác động của chính sách mở cửa và toàn cầu hoá. Bằng cách sử dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, truyện ngắn, phim, khoá học sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về kế sinh nhai, về toàn cầu hóa, về quyền lực, về mối quan hệ giới tính, quan hệ gia đình, cũng như những vấn đề hồi sinh và phát triển của văn hoá, tín ngưỡng từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược hiện nay ở Việt Nam. Đồng thời, sinh viên cũng hiểu những cái truyền thống, cái hiện đại có vai trò ra sao trong việc tạo nên một hệ thống giá trị đạo đức nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

* 1. **POL3012, Quyền lực chính trị, 3TC**

**Học phần tiên quyết: POL1052, Chính trị học đại cương**

 Học phần nghiên cứu các quan hệ quyền lực trong đời sống chính trị - xã hội. Nội dung học phầnbao quát [và được tổ chức theo trật tự logic] các nội dung cơ bản sau: quan niệm, khái niệm, phân loại đến chức năng, kết cấu và đặc trưng của quyền lực chính trị; phương thức thực thi, các nhân tố bảo đảm thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị; quyền lực nhà nước; con người với tính cách chủ thể của quyền lực chính trị; tổ chức và thực thi quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước ở một số nước trến thế giới hiện nay đến việc tổ chức; thực thi quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, quyền lực của nhân dân ở Việt Nam hiện nay, v.v.. Các nội dung cơ bản nói trên được tiếp cận cả trên phương diện lý luận chung và những vấn đề hiện đại, thời sự trong nghiên cứu quyền lực chính trị của xã hội đương đại.

* 1. **LIN1102, Phong cách học tiếng Việt, 3TC**

**Học phần tiên quyết: LIN2033**

 Học phần phong cách học tiếng Việt chia làm những nội dung chính với nhiều vấn đề chuyên sâu. Cụ thể là: Lịch sử nghiên cứu phong cách học trên thế giới và Việt Nam. Các phương pháp phân chia phong cách chức năng. Đặc điểm ngôn ngữ của các phong cách chức năng tiếng Việt. Giá trị phong cách của các đơn vị ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.

* 1. **PEL1101, Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, 3TC**

 Học phần có nội dung cơ bản là cách tiếp cận tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội Việt Nam. Đặc điểm chung của tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội Việt Nam. Một số khái niệm cơ bản, nguồn gốc, bản chất, vai trò cũng như tình hình phát triển của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên hiện nay. Khái niệm, nội dung, giá trị tích cực và hạn chế của tín ngưỡng thành hoàng làng, tín ngương thờ tổ nghề và lễ hội trong tín ngưỡng thành Hoàng làng, tổ nghề ở Việt Nam hiện nay. Khái niệm, những cơ sở ra đời của tín ngưỡng Mẫu của người Việt và nghi thức hầu đồng. Những giá trị cũng như những hạn chế của tín ngưỡng Mẫu trong giai đoạn hiện nay. Bối cảnh ra đời, phát triển, giáo lý, lễ nghi và lề luật, tổ chức của đạo Cao Đài. Cơ sở ra đời, giáo lý, lễ nghi và tổ chức của Phật giáo Hoà Hảo. Một số lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng tiêu biểu miền Bắc, Trung và Nam của Việt Nam hiện nay.

* 1. **ANT1101, Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam, 3TC**

**Học phần tiên quyết: ANT1100, Nhân học đại cương**

Học phần gồm 2 nội dung chính: Các dân tộc ở Việt Nam và Chính sách dân tộc ở Việt Nam. Học phầnsẽ cung cấp cho người học các kiến thức từ nguồn gốc lịch sử, tên gọi, địa bàn cư trú, các sinh hoạt kinh tế, văn hoá, xã hội của các dân tộc Việt Nam. Đặc biệt là sự đóng góp của cả 54 dân tộc vào quá trình dựng nước và giữ nước. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và thực hiện chính sách. Các chính sách đó đã trải nghiệm qua thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân các dân tộc ở nước ta.

* 1. **AR)1160, Các lý thuyết quản trị, 3TC**

 Học phần trình bày một cách có hệ thống các khái niệm công cụ và những lý thuyết cơ bản về quản trị; điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề cho sự ra đời của các lý thuyết quản trị tiêu biểu; quan điểm và tư tưởng cơ bản của các trường phái, các học thuyết quản trị tiêu biểu ở phương Đông và phương Tây; nhận xét, đánh giá, chỉ ra ý nghĩa và khả năng áp dụng các lý thuyết đó trong thực tế.

* 1. **JOU2017, Ngôn ngữ báo chí, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương**

 *Ngôn ngữ báo chí* là học phần về bản chất và những vấn đề cốt yếu nhất của ngôn ngữ báo chí với tư cách là một phân ngôn ngữ có đặc điểm, cấu trúc riêng và đòi hỏi những ứng xử ngôn ngữ riêng khi vận hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về ngôn ngữ báo chí, từ đó hình thành nên ở họ những kỹ năng căn bản để sử dụng ngôn ngữ báo chí như là một phương tiện hàng đầu để truyền tải thông tin. Từ việc nắm vừng bản chất của ngôn ngữ báo chí, sinh viên hình thành khả năng viết tức thời về bất cứ một sự kiện, hiện tượng hay một con người nào đó cho bất cứ một loại hình báo chí nào.

* 1. **JOU3064, Kỹ năng viết cho báo in, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương/JOU2017, Ngôn ngữ báo chí**

*Kỹ năng viết cho báo in* là học phầncung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc trưng, đặc điểm của các thể loại trên báo in; chỉ ra mối liên hệ giữa các thể loại trong hệ thống thể loại báo in nói chung. Đồng thời, cung cấp những nguyên tắc về mặt kỹ năng, các kỹ năng cần thiết để tổ chức và thực hiện một tác phẩm báo in ở từng thể loại.

Sinh viên được giới thiệu các kỹ năng viết cho báo in thông qua thực hành viết các thể loại báo chí hoặc vận dụng các thể loại báo chí để đưa tin về các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng vận dụng ngôn ngữ, phương thực thể hiện cho phù hợp với đối tượng công chúng của báo in.

* 1. **JOU3059, Kỹ năng viết cho báo điện tử, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU1051, Báo chí truyền thông đại cương/JOU2017, Ngôn ngữ báo chí**

 Học phần *Kỹ năng viết cho báo điện tử* không cung cấp thuần túy kiến thức về nội dung và các thể loại báo chí hay sử dụng trên một website báo chí hiện nay, mà là những hướng dẫn cho hoạt động thực tế sản xuất tin, bài cho website báo chí; mang đến cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông qua website và quy trình sản xuất nội dung tin, bài, ảnh, video, âm thanh cho website báo chí khi phản ánh sự kiện. Bao gồm những nghiên cứu, những tiêu chí cơ bản và cập nhật về đặc điểm, tính năng của các loại tác phẩm báo chí phù hợp nhất với một website làm công tác báo chí. Ngoài ra, sinh viên thực hành viết và sản xuất các nội dung cơ bản cho một website báo chí. Về thực hành, sinh viên sẽ được làm việc theo nhóm để sản xuất thử nghiệm một số nội dung theo định hướng của giáo viên theo mô hình tòa soạn báo trực tuyến trong thực tiễn.

* 1. **JOU3044, Kỹ thuật phát thanh và truyền hình, 3TC**

 Học phần Kỹ thuật phát thanh truyền hìnhcung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật trong lĩnh vực phát thanh truyền hình: nguyên lý kỹ thuật phát thanh, sơ đồ hệ thống thiết bị sản xuất, các tiêu chuẩn kỹ thuật căn bản, quy trình vận hành thiết bị tiền kỳ, hậu kỳ, thiết bị phát sóng phát thanh và truyền hình. Kết thúc khóa học, sinh viên có thể chủ động trong việc sử dụng máy móc thiết bị phục vụ quá trình học tập và sản xuất các ấn phẩm truyền hình.

* 1. **JOU3040, Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình, 4TC**

**Học phần tiên quyết: JOU3064, Kỹ năng viết cho báo in**

 *Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình:* Là học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản chất, đặc trưng, đặc điểm và kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình bao gồm: Những vấn đề chung về truyền thông phát thanh và truyền hình*;* Kỹ năng viết kịch bản*;* Kỹ năng viết theo thể loại tác phẩm*;* Kỹ năng sử dụng hình ảnh*;* Kỹ năng sử dụng âm thanh;Kỹ năng biên tập và montage; Kỹ năng khai thác và thu thập thông tin;Kinh tế - Kinh doanh phát thanh, truyền hình *;* Viết cho khán thính giả. Học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng, phương pháp biên tập tác phẩm, cách thiết kế câu hỏi, cách thu thập và xử lý thông tin theo từng thể loại tác phẩm truyền hình. Ngoài ra, Học phần còn cung cấp một số dạng kịch bản, mô hình truyền thông, mối quan hệ giữa hình ảnh và âm thanh, cách dựng và viết lời bình trong sáng tạo tác phẩm chương trình phát thanh và truyền hình. Kiến thức và kỹ năng do Học phần cung cấp sẽ hữu ích cho người học khi tác nghiệp tại cơ quan báo chí truyền thông nói chung và nâng cao chất lượng nghiệp vụ nghề nghiệp của bản thân nói riêng

* 1. **JOU3071, Quản trị nội dung website, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU2017, Ngôn ngữ báo chí**

 Học phần Kỹ thuật phát thanh truyền hìnhcung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật trong lĩnh vực phát thanh truyền hình: nguyên lý kỹ thuật phát thanh, sơ đồ hệ thống thiết bị sản xuất, các tiêu chuẩn kỹ thuật căn bản, quy trình vận hành thiết bị tiền kỳ, hậu kỳ, thiết bị phát sóng phát thanh và truyền hình. Kết thúc khóa học, sinh viên có thể chủ động trong việc sử dụng máy móc thiết bị phục vụ quá trình học tập và sản xuất các ấn phẩm truyền hình.

* 1. **JOU3058, Ảnh báo chí, 3TC**

 Ảnh báo chí là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế nền tảng để làm hành trang trực tiếp cho quá trình tác nghiệp ảnh báo chí trong thực tiễn theo từng dạng ảnh và lĩnh vực nội dung của ảnh báo chí. Đồng thời, Học phần trang bị những kỹ năng cơ bản mà một phóng viên ảnh cần phải đối diện khi tác nghiệp trên thực tế.

* 1. **JOU3002, Biên tập văn bản báo chí, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU2017, Ngôn ngữ báo chí**

*Biên tập văn bản báo chí* là môn học về hoạt động nghiệp vụ của bộ phận biên tập trong các toà soạn báo hiện nay, trong đó tập trung chủ yếu vào công tác biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí. Với những nội dung trên, *Biên tập văn bản báo chí*  hướng tới mục tiêu cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản nhất về các hoạt động nghiệp vụ biên tập tại các toà soạn; về các khâu, các kỹ thuật... để biên tập một văn bản báo chí. Từ đó, môn học hình thành ở người học ý thức và khả năng tự biên tập; kỹ năng phối hợp hoạt động với bộ phận biên tập. Cùng các môn học khác, *Biên tập văn bản báo chí* cũng góp phần xây dựng ý thức tác nghiệp chủ động, độc lập, sáng tạo ở mỗi người học.

* 1. **JOU3045, Báo chí chuyên biệt, 4TC**

**Học phần tiên quyết: JOU3064, Kỹ năng viết cho báo in**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xu hướng chuyên biệt hoá nội dung thông tin phù hợp với nhu cầu thông tin của công chúng đối tượng; những kiến thức và kỹ năng làm báo theo từng lĩnh vực nội dung (chính trị - nội chính, kinh tế - tài chính, văn hoá – xã hội, quốc tế, đối ngoại, thể thao...) hoặc theo đối tượng phục vụ (báo chí dành cho trẻ em, báo chí cho người cao tuổi, báo chí cho thanh niên, báo chí cho nữ giới...). Học phần được thiết kế thành 2 module (mô đun), mỗi mô đun có tổng thời lượng 2 tín chỉ đề cập đến hoạt động thông tin về một lĩnh vực chuyên biệt như: chính trị - nội chính; quốc tế; đối ngoại; kinh tế; văn hoá xã hội; khoa học – giáo dục; thể thao - giải trí v.v... hoặc chuyên biệt hơn nữa như tài chính, môi trường; giao thông; thiên tai...

Sinh viên cần tích luỹ 02 mô đun kiến thức để hoàn thành học phần Báo chí chuyên biệt. Đề cương học phầnnày được thiết kế mẫu đối với 2 mô đun thông tin chính trị - nội chính và thông tin quốc tế. Các lĩnh vực nội dung chuyên biệt khác được thiết kế linh hoạt tương tự như đề cương này và có thể được thay đổi theo từng kỳ học theo sự lựa chọn của sinh viên.

* 1. **JOU3072, Đại cương về kinh tế báo chí truyền thông, 3TC**

 Đại cương về kinh doanh báo chí truyền thông là học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động kinh tế của các cơ quan báo chí truyền thông trong quá trình sử dụng con người, cơ sở vật chất kỹ, thuật, tài chính… để đi đến hiệu quả tối đa mà các doanh nghiệp báo chí nói riêng và công nghiệp truyền thông nói chung có thể đạt được trong nền kinh tế thị trường.

* 1. **JOU3049, Truyền thông đa phương tiện, 3TC**

**Học phần tiên quyết: Học phần tiên quyết: JOU2017, Ngôn ngữ báo chí**

Học phần *Truyền thông đa phương tiện* cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông đa phượng tiện. Bao gồm những nghiên cứu, những sáng tạo mới nhất về ngành truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được học kỹ thuật thiết kế và sản xuất những sản phẩm truyền thông đa phương tiện, sử dụng những chương trình phần mềm phổ biến nhất hiện nay. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu cách sản xuất và thiết kế các website và quá trình kinh doanh một website trên thực tế.

Về thực hành, sinh viên sẽ được làm việc theo nhóm để sản xuất ra những ấn phẩm website phục vụ nhu cầu của những khách hành kinh doanh thực sự. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng các phần mềm như Flash, Adobe Photoshop, v.v..

* 1. **JOU3077, Sản xuất ấn phẩm báo chí truyền thông, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU3064, Kỹ năng viết cho báo in**

 *Sản xuất ấn phẩm truyền thông*  là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc trưng, đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc tổ chức sản xuất một bài báo in, một trang báo in, một tờ báo in, một thông điệp quảng cáo trên báo in, một áp phích, tờ rơi... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng xác định đề tài, tổ chức nội dung cũng như dàn trang, thiết kế ấn phẩm truyền thông. Đồng thời, cung cấp những nguyên tắc về mặt kỹ năng, các kỹ năng cần thiết để tổ chức sản xuất ấn phẩm truyền thông.

* 1. **JOU3080, Sản xuất chương trình tin tức thời sự, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU3044, Kỹ thuật phát thanh và truyền hình**

Học phần*Sản xuất chương trình tin tức* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, kết cấu, các dạng chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình và quy trình, công nghệ sản xuất chương trình tin tức phát thanh - truyền hình hiện đại; rèn luyện cho sinh viên những thao tác nghiệp vụ cơ bản của phóng viên trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình. Quy trình học kết hợp lý thuyết và thực hành giúp sinh viên vận dụng được những kiến thức lý thuyết về sản xuất chương trình tin tức phát thanh truyền hình vào thực tiễn, tự tổ chức sản xuất một số dạng chương trình tin tức phát thanh - truyền hình hiện đại

* 1. **JOU3081, Sản xuất chương trình chuyên đề, 3TC**

**Học phần tiên quyết: JOU3044, Kỹ thuật phát thanh và truyền hình**

 Chương trình chuyên đề là một dạng tác phẩm báo chí truyền thông có những yêu cầu cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, được thể hiện phổ biến trên sóng phát thanh, truyền hình. Học phần *Sản xuất chương trình chuyên đề* cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về đặc trưng, đặc điểm, quy trình sản xuất của dạng chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình Việt Nam hiện nay. Học phầngiúp sinh viên có khả năng phân loại, định hướng chuyên môn thông qua các nội dung kiến thức về từng mảng lĩnh vực chính yếu trong hoạt động thông tin của báo chí truyền thông. Học phầncũng hệ thống hóa các đặc trưng về phong cách, quy trình sản xuất của loại hình phát thanh, truyền hình, giúp sinh viên có khả năng nhận biết và vận dụng kiến thức của mình để sản xuất chương trình chuyên đề phù hợp với từng loại hình. Học phầnthiết kế nội dung thực hành tác nghiệp linh hoạt, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức vào quy trình sản xuất thực tế các chương trình chuyên đề theo phương thức hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp

* 1. **PRS3005, Đại cương về quảng cáo, 3TC**

**Học phần tiên quyết:**

 *Đại cương về quảng cáo* là học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động quảng cáo cho những nhà làm quảng cáo chuyện nghiệp trong tương lai. Thông qua những giờ học lý thuyết, thảo luận và thực hành thực tế, sinh viên sẽ học phương pháp lên kế hoạch tài chính, kỹ thuật thiết kế và trình bày thông điệp cho các loại hình, các phương pháp nghiên cứu và điều tra dư luận... sẽ không được đề cập sâu. Nguyên tắc cơ bản mà học phần này theo đuổi là giúp sinh viên hình dung được mối quan hệ chặt chẽ giữa hoạt động truyền thông và hoạt động quảng cáo. Từ đó, sinh viên sẽ có năng lực thẩm định, đánh giá độ chuyên nghiệp của một công ty hay một chương trình quảng cáo có sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, đồng thời, tăng cường khả năng vận dụng những kiến thức đã được học để có thể tham gia tổ chức quảng cáo với tư cách là một chuyên gia về truyền thông đại chúng

* 1. **PRS3003, Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng, 3TC**

**Học phần tiên quyết: PRS1100, Quan hệ công chúng đại cương**

 Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc và kỹ năng cơ bản để viết và truyền thải một thông điệp PR cho phù hợp với công chúng mục tiêu và hoạt động truyền thông. Thông qua những bài tập cụ thể, sinh viên có thể được rèn luyện khả năng tư duy, sáng tạo, lựa chọn phong cách viết phù hợp với công chúng hoặc mục tiêu của hoạt động truyền thông

* 1. **JOU4064, Thực tập thực tế, 3TC**

 Học phần *Thực tập thực tế* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tế về hoạt động của một cơ quan báo chí; về biên tập, xây dựng nội dung cũng như hình thức cho một tác phẩm báo chí; công tác phóng viên ở cơ quan mà sinh viên tham gia thực tế; xây dựng được tác phẩm báo chí để đăng, phát trên các loại hình báo chí; về sử dụng các phương tiện kỹ thuật để phục vụ cho việc xây dựng tác phẩm như: máy tính, máy ảnh, máy quay phim, máy ghi âm, kỹ năng sử dụng internet... Học phần còn trang bị cho sinh viên phương pháp khoa học trong cách đánh giá, nhận xét, quy trình xây dựng chương trình, cách phát hiện, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khách quan, khoa học , công bằng, minh bạch

* 1. **JOU4050, Thực tập tốt nghiệp, 3TC**

 Học phần *Thực tập tốt nghiệp* cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để có thể tham gia vào hoạt động của một cơ quan báo chí; có kỹ năng thực tế về biên tập, xây dựng nội dung cũng như hình thức bài vở cho một tác phẩm báo chí; nắm được những kiến thức cơ bản về công tác phóng viên ở cơ quan mà sinh viên tham gia thực tập; xây dựng được tác phẩm báo chí để đăng, phát trên các loại hình báo chí mà sinh viên thực tập; nắm được phương pháp khai thác thông tin và tư liệu khi đi cơ sở và ở thư viện; biết sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật để phục vụ cho việc xây dựng tác phẩm như : máy tính, máy ảnh, máy quay phim, máy ghi âm, kỹ năng sử dụng internet...Học phần còn trang bị cho sinh viên phương pháp khoa học trong cách đánh giá, nhận xét, quy trình xây dựng chương trình, cách phát hiện, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khách quan, khoa học , công bằng, minh bạch

* 1. **JOU4051, Khóa luận tốt nghiệp, 3TC**

Căn cứ vào khả năng và số lượng cán bộ giảng dạy trong và ngoài Viện, những sinh viên có học lực tốt sẽ được phép làm khóa luận tốt nghiệp hoặc sản phẩm tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của GV về một đề tài cụ thể, có tính khoa học và thực tiễn liên quan đến các khía cạnh khác nhau của ngành báo chí – truyền thông. Trong đó, những khóa luận tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc theo thẩm định của GV hướng dẫn và phản biện sẽ được bảo vệ tại hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Những khóa luận còn lại sẽ được chấm bởi GV hướng dẫn và phản biện. Những SV còn lại sẽ học hai học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. SV thuộc diện làm khóa luận tốt nghiệp nếu muốn có thể làm đơn xin phép được học học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp khi có sự đồng ý của GV hướng dẫn.

* 1. **JOU4054, Các loại hình báo chí truyền thông, 2TC**

 Học phần *Các loại hình báo chí truyền thông* giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về từng loại hình báo chí truyền thông. Sinh viên đã từng được học các môn chuyên ngành – các loại hình báo chí truyền thông riêng biệt trong các kì học trước. Việc hệ thống lại các kiến thức đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn và có những nhận định đúng đắn, đầy đủ hơn về mỗi loại hình, sau khi đã thực sự trải qua việc học lý thuyết kết hợp với thực tế - thực tập. Học phần đề cập tới từng loại hình: báo viết, báo nói, báo hình, báo ảnh, báo mạng điện tử, và một số các phương thức truyền thông mới. Học phần *Các loại hình báo chí truyền thông* tập trung vào việc hệ thống lại các khối kiến thức của mỗi loại hình, phân biệt các đặc trưng, đặc điểm; các vấn đề đặt ra của mỗi loại hình; xu hướng phát triển.

* 1. **JOU4053, Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông, 3TC**

Môn *Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông*giúp sinh viên hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ sở ngành. Nội dung Học phần tập trung vào cơ sở lý luận báo chí truyền thông và hệ thống thể loại báo chí. Trên cơ sở các kiến thức cơ sở ngành đã học, sinh viên chủ động xây dựng bài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kiến thức của Học phần có phần mở rộng và nâng cao hơn phần nội dung của các môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, liên hệ với việc sử dụng các thể loại trong hoạt động thực tiễn báo chí hiện đại

 **9. Chương trình đào tạo mà đơn vị tham khảo**

 - Chương trình đào tạo nước ngoài: Bachelor of Journalism của Đại học Queensland (Úc), Journalism BA (Hons) của Đại học City London, Bachelor of Journalism của Đại học Columbia (Mỹ), Bachelor of Journalism của Đại học Hồng Kông.

 - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình Cử nhân Báo chí (Báo in, báo điện tử, phát thanh – truyền hình) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, chương trình Cử nhân Báo chí của ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.

 **II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Tiến trình đào tạo** (dự kiến)
2. **Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

***2.1. Các yêu cầu thực hiện CTĐT***

+ Học phần (bắt buộc/tự chọn); học phần tiên quyết

+ Học phần chung, GDTC, Giáo dục QP-AN, học phần ngoại ngữ, chuyên ngành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN.

+ Học kỳ, khóa học

+ Thời khóa biểu

***2.2. Tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy***

+ Khoa/Bộ môn: Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

+ Bộ môn chuyên môn: Bộ môn PR – Quảng cáo, Bộ môn Báo chí, Bộ môn Truyền thông Đa phương tiện, Bộ môn Quản trị Báo chí Truyền thông, Trung tâm Nghiệp vụ Báo chí Truyền thông.

+ Giảng viên: Giảng viên của Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông và các giảng viên thỉnh giảng.

+ Đội ngũ hỗ trợ: Cố vấn học tập/trợ lý đào tạo/ thanh tra

1. **Phương pháp giảng dạy và học tập**

Phương pháp lấy “Người học là trung tâm” sẽ được sử dụng trong suốt khóa học để giúp sinh viên tham gia tích cực vào quá trình dạy và học. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở trường và ở nhà.

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

1. **Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng mong muốn người học đạt được.

Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là: 1) Đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và 2) Đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ.

Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Nhà trường.

Các hoạt động kiểm tra đánh giá được tham chiếu theo thang Bloom

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Cấp độ(từ khóa) | Gợi ý hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|  | NhớNhắc lạiNhận diệnXác định | Bài thi trắc nghiệm khách quan gồm các loại câu hỏi như điền từ vào chỗ trống, ghép đôi, gán nhãn, lựa chọn phương án đúng, trong đó yêu cầu người học:* Nhắc lại hoặc nhận diện được các thuật ngữ, khái niệm hoặc các thông tin thực tế
 |
|  | HiểuGiải thíchMinh họaPhân loạiSuy luậnSo sánh | Các hoạt động như bài thi, giải quyết vấn đề, thảo luận trên lớp, vẽ bản đồ khái niệm, trong đó yêu cầu người học:* Tóm tắt các bài đọc, phim, bài phát biểu
* So sánh và đối chiếu hai hoặc nhiều lý thuyết, sự kiện hoặc quá trình
* Phân loại các trường hợp, thành tố hoặc sự kiện sử dụng các tiêu chí đã được thiết lập trước
* Viết lại văn bản hoặc bài phát biểu theo một cách khác
* Tìm hoặc xác định được các ví dụ hay minh họa cho một khái niệm hoặc một nguyên lý nào đó.
 |
|  | Vận dụngÁp dụngThực hiện | Các hoạt động như giải quyết vấn đề, trình bày, bài viết, làm mẫu, mô phỏng trong đó yêu cầu người học:* Sử dụng các quy trình để giải quyết hoặc hoàn thành những nhiệm vụ quen thuộc hoặc không quen thuộc.
* Quyết định được những quy định nào là phù hợp nhất để giải quyết nhiệm vụ đặt ra
 |
|  | Phân tíchPhân biệtTổ chức | Các hoạt động như nghiên cứu trường hợp, bài viết, dự án, tranh luận hoặc bản đồ khái niệm, trong đó yêu cầu người học:* Phân biệt hoặc lựa chọn được những cấu phần liên quan và không liên quan
* Quyết định được cách thức các cấu phần đó liên hệ với nhau như thế nào
* Xác định được những thành kiến, giá trị hoặc những ý định ngầm ẩn trong tài liệu được trình bày.
 |
|  | Đánh giáCho ý kiếnBình luận | Các hoạt động như bình luận, bình duyệt sản phẩm, hoặc nghiên cứu, giải quyết vấn đề, trong đó yêu cầu người học:* Kiểm tra, theo dõi, đánh giá hoặc bình luận các bài đọc, các phần trình bày, hoặc sản phẩm theo các tiêu chí hoặc tiêu chuẩn đã được thiết lập
 |
|  | Sáng tạoTạo raTổng hợpLập kế hoạchSản xuấtThiết kế | Các hoạt động như dự án nghiên cứu, sáng tác, biểu diễn, bài luận, kế hoạch kinh doanh/ giảng dạy, thiết kế website, hay các sản phẩm khác, trong đó yêu cầu người học:* Tạo ra, xây dựng, thiết kế hoặc tổng hợp một sản phẩm mới.
 |

 **5. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học**: Từ năm học 2023-2024

 *Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa/BM/Viện** | **Trưởng phòng Đào tạo** | **Hiệu trưởng****(Duyệt)** |

1. lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo đại học của Nhà nước, những ngành chưa có trong Danh mục nói trên thì ghi là *Ngành đào tạo thí điểm*. [↑](#footnote-ref-1)
2. Cử nhân/Kĩ sư/Bác sĩ/Dược sĩ… [↑](#footnote-ref-2)
3. Đánh dấu X vào các chuẩn đầu ra tương ứng với từng học phần. [↑](#footnote-ref-3)